

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500755050, ngày 01/08/2011 (Đăng ký thay đổi lần thứ 4).
- Vốn điều lệ: 96.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ đồng).
- Địa chỉ: 52 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Văn phòng giao dịch: 110A Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 08.3515 3418
- Số fax: 08.3841 0152
- Website: www.vimexcogas.com.vn
- Mã cổ phiếu: VMG

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tiền thân là Chi nhánh Công ty Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại thành phố Hồ Chí Minh, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 5335/QĐ.UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4903000272 ngày 21 tháng 7 năm 2006.

a. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty được cấp các Giấy phép như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000272 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 20 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 14.000.000.000 VND lên 64.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500755050 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4903000272 ngày 21 tháng 7 năm 2006, chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 64.000.000.000 VND lên 96.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 49/2009/GCN-SGDHN ngày 15 tháng 9 năm 2009 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp với mã chứng khoán là VMG. Cổ phiếu VMG chính thức giao dịch ngày 30 tháng 9 năm 2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500755050 đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 26 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) từ Ông Nguyễn Xuân Vinh sang Ông Nguyễn Quang Ninh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500755050 đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 01 tháng 08 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) từ Ông Nguyễn Quang Ninh sang Bà Nguyễn Thị Tân Hoa.

- Quyết định số 261/QĐ-SGDHN ngày 26/07/2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc hủy niêm yết cổ phiếu VMG.
- Thông báo số 1787/TB-CNVSD ngày 24/08/2012 về ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán.

b. Quá trình tăng vốn

- **Lần thứ nhất:**

Tháng 03/2007, được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Công ty đã tăng vốn từ 14 tỷ đồng lên 64 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu (giá 10.000đ/cổ phần), phát hành quyền mua cho cổ đông chiến lược (giá 27.000đ/cổ phần), phát hành quyền mua cho cán bộ công nhân viên (giá 18.000đ/cổ phần), chào bán riêng lẻ cho 32 nhà đầu tư (giá trúng bình quân: 30.500đ/cổ phần).

Thời điểm	Vốn điều lệ (đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Nguồn tăng
Sau khi cổ phần hoá	14.000.000.000		
Tháng 03/2007	64.000.000.000	50.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho 87 nhà đầu tư, bao gồm: Cổ đông chiến lược: 03 tổ chức. Cổ đông tham gia đấu giá: 28 người (không kể 4 người là CBCNV). CBCNV: 35 người. Cổ đông hiện hữu ngoài doanh nghiệp: 21 người.

- **Lần thứ 2:**

Tháng 09/2008, sau khi được sự thống nhất của Đại hội đồng cổ đông Công ty và được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tại Công văn số 1627/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 12/08/2008, Công ty đã tiến hành tăng vốn từ 64 tỷ đồng lên 96 tỷ đồng thông qua chia cổ phiếu thưởng tỷ lệ 2:1 từ nguồn thặng dư của đợt chào bán năm 2007.

Sau khi hoàn tất đợt tăng vốn năm 2008, Công ty đã hoàn tất các hồ sơ về việc chia cổ phiếu thưởng để chuyển lại cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Thời điểm	Vốn điều lệ (đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Nguồn tăng
Tháng 03/2007	64.000.000.000		
Tháng 09/2008	96.000.000.000	32.000.000.000	Chia cổ phiếu thưởng tỷ lệ 2:1

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật đo lường và kiểm tra chất lượng các thiết bị dầu khí và chiết nạp gas; Dịch vụ kỹ thuật và cung ứng vật tư, hóa phẩm, thiết bị phụ tùng, thực phẩm và vật dụng khác cho các công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; Tổ chức sửa chữa chống ăn mòn giàn khoan biển và phương tiện nổi dầu khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG); Kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ xây dựng; Kinh doanh đồ điện gia dụng; Kinh doanh sắt thép, ống thép, thép phôi, sắt thép xây dựng;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

b. Địa bàn kinh doanh

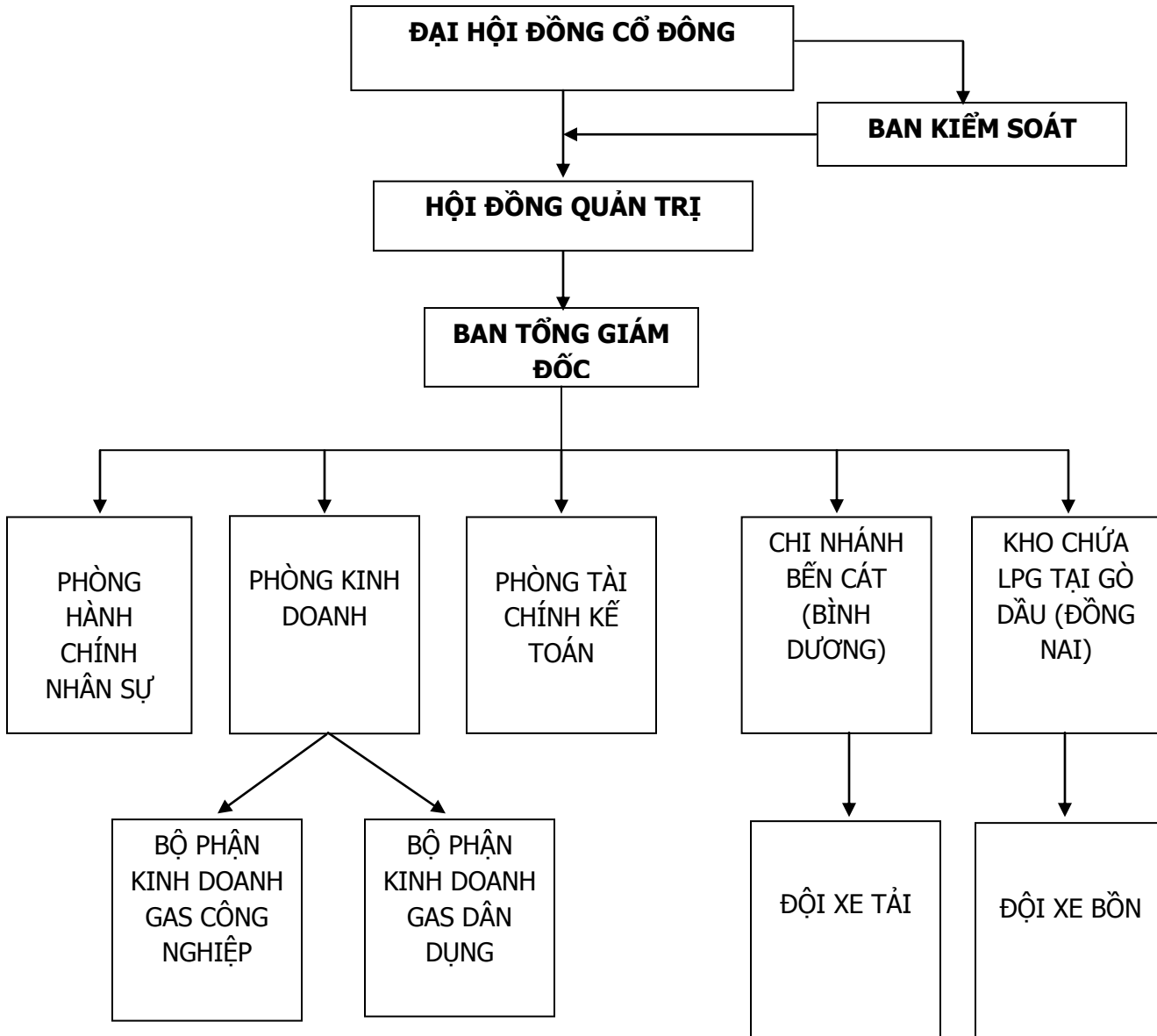
- Tập trung chủ yếu tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và tỉnh Đồng Nai.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý



c. Các công ty con, công ty liên kết
Không có

5. Định hướng và phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đưa công ty thoát khỏi xu hướng lỗ và tiến tới có lãi.
- Thu hồi công nợ đã quá hạn.
- Đảm bảo đạt và vượt kế hoạch về các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong năm như: Doanh thu, lợi nhuận, thu nhập của người lao động, nộp ngân sách.
- Đảm bảo việc làm và thực hiện tốt chính sách đối với người lao động.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn
- Giữ vững thị trường và khách hàng truyền thống.
- Tập trung phát triển, mở rộng những khách hàng mới.
- Quyết liệt thu hồi công nợ đã quá hạn để tăng cường nguồn vốn lưu động, phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.
- Có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại để nâng cao chất lượng nhân lực.

- Nghiên cứu đổi mới cơ cấu tổ chức, tăng cường công tác quản lý, điều hành của công ty cho phù hợp với xu thế phát triển của thị trường

6. Các rủi ro

a. Rủi ro về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp đến một số lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế, bao gồm công nghiệp, nông nghiệp và tiêu dùng. Hiện nay, LPG (Khí hoá lỏng – gas) đang được sử dụng làm nguyên liệu phổ thông trong các ngành này. Kinh tế tăng trưởng thì nhu cầu tiêu thụ LPG sẽ tăng, và ngược lại.

Trong 2 năm gần đây, tình hình kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn, “sức mua” giảm mạnh, hàng loạt doanh nghiệp buộc phải giải thể, phá sản, nợ lương nhân viên ... Chính vì thế, tình hình kinh doanh LPG cũng gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, Chính phủ đã và đang có kế hoạch ban hành những gói hỗ trợ sản xuất-kinh doanh, tiêu dùng nên nhu cầu tiêu thụ LPG trong nền kinh tế sẽ được tăng lên.

b. Rủi ro pháp luật:

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, CTCP Thương Mại & Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán, thị trường chứng khoán ... bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung, chậm ban hành, các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, sự chồng chéo, mâu thuẫn nhau giữa các văn bản quy phạm pháp luật ... có ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.

Ngoài ra, CTCP Thương Mại & Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu còn chịu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật liên quan đến việc kinh doanh, chiết nạp LPG bởi đây là lĩnh vực hoạt động chính của công ty. Do đó, những chính sách của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực này đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

c. Rủi ro đặc thù:

• Rủi ro biến động giá

Hiện nay, tại Việt Nam chỉ có nhà máy lọc dầu Dinh Cố và Dung Quất sản xuất LPG, đáp ứng một phần nhu cầu tiêu thụ trong nước. Phần lớn lượng LPG tiêu thụ là do nhập khẩu từ các nước trên thế giới. Năm 2014 là một năm nhiều biến động với tình hình kinh tế giới, đặc biệt là cuộc khủng hoảng năng lượng tại các nước Trung Đông. Do đó, giá LPG trên thế giới liên tục thay đổi, không theo quy luật nên rất khó dự báo.

• Rủi ro rò rỉ khí hoá lỏng (LPG) và rủi ro cháy nổ

Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khí hoá lỏng (LPG) luôn tiềm ẩn những rủi ro rò rỉ đường ống dẫn khí, hệ thống bồn chứa, vỏ chai chứa và rủi ro cháy nổ. Các rủi ro này khi xảy ra đều gây thiệt hại về tài sản, con người, ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh. Công ty đã tiến hành mua bảo hiểm về tài sản và tính mạng nhằm hạn chế thiệt hại khi rủi ro xảy ra.

d. Rủi ro khác:

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Đó là những rủi ro về thiên tai (hạn hán, lũ lụt, động đất ...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo ...

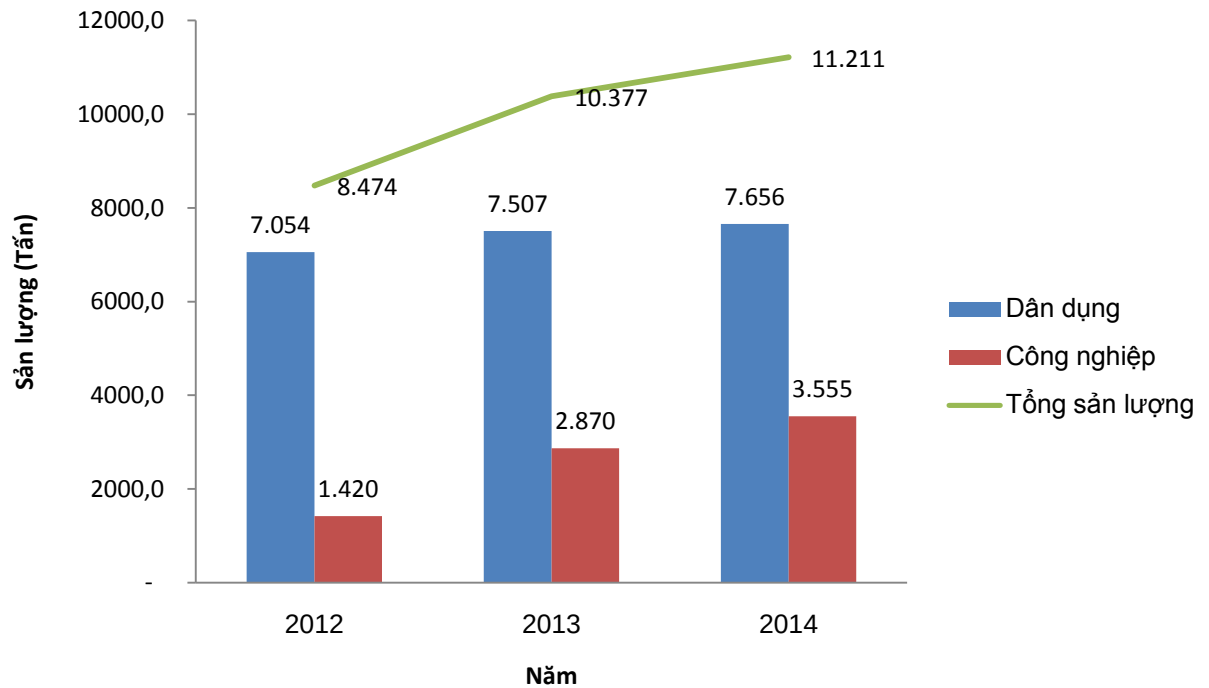
II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình sản xuất hoạt động kinh doanh

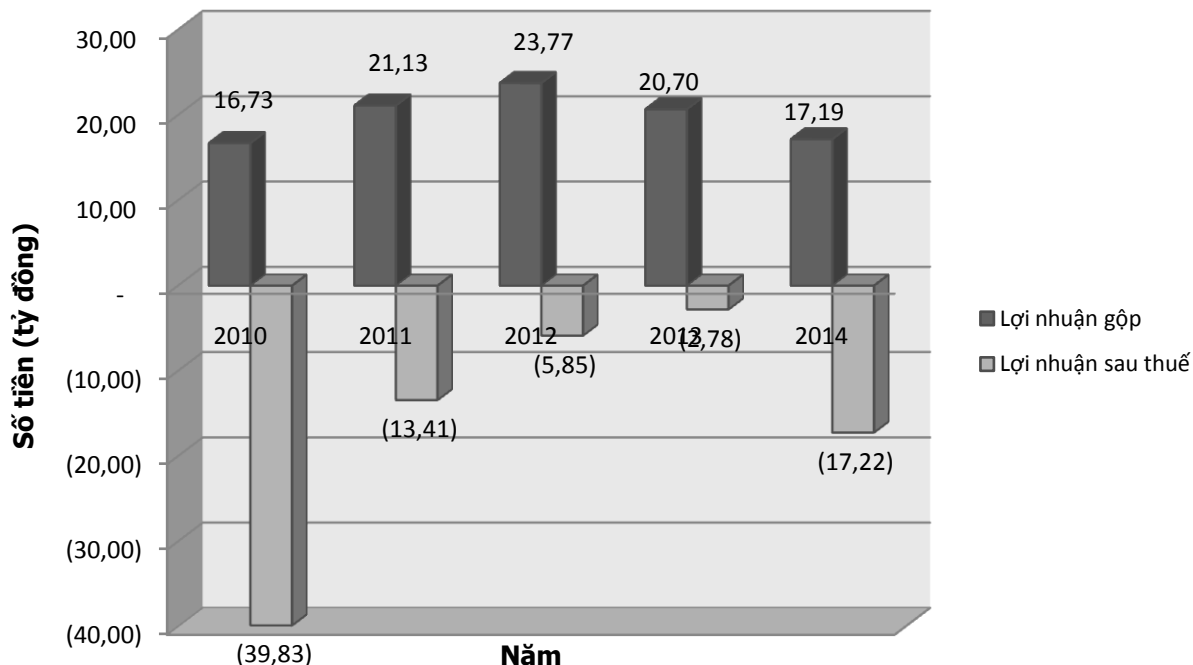
a. Kết quả đạt được trong năm

Kết thúc năm 2014, công ty đạt tổng sản lượng tiêu thụ LPG 11.211 tấn, doanh thu thuần 236,21 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt 17,19 tỷ đồng.

SẢN LƯỢNG LPG TIÊU THỤ



LỢI NHUẬN GỘP - LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2010-2014



Trong năm 2014, doanh thu chính của công ty vẫn từ hoạt động kinh doanh LPG, trong đó mảng kinh doanh Gas dân dụng chiếm tỷ lệ cao nhất (73,30%).

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2014

			DVT: triệu đồng
STT	Mảng kinh doanh	Doanh thu thuần	Tỷ trọng (%)
1	Gas công nghiệp	68.447	28,98%
2	Gas dân dụng	166.061	70,30%
3	Dịch vụ cho thuê nhà	171	0,07%
4	Dịch vụ chở thuê	160	0,06%
5	Dịch vụ cho thuê kho	1.270	0,54%
6	Dịch vụ bảo trì, lắp đặt hệ thống gas	42	0,02%
7	Khác	62	0,03%
Tổng cộng		236.213	100%

Nguồn: BCTC được kiểm toán năm 2014

Trong năm 2014, tình hình nhân sự của công ty gặp nhiều biến động, cộng với việc công ty chưa thể tổ chức Đại hội cổ đông và bầu Hội đồng quản trị mới, do đó công ty đã không thông qua được kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2014.

2. Tổ chức nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH
1	Nguyễn Quang Ninh	Tổng Giám đốc
2	Đặng Trần Hồng Quân	Kế toán trưởng

b. Tóm tắt lý lịch Ban điều hành

Ông Nguyễn Quang Ninh

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 27/09/1963

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nguyên quán : Hưng Yên

Trình độ học vấn : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ngành Thương Nghiệp Vật Tư

Quá trình công tác :

- Từ năm 1991 đến năm 1997 : Đội trưởng đội xây dựng – Công ty Xây lắp 394 – Binh Đoàn II.
- Từ năm 1997 đến năm 2001: Giám đốc công ty Gas Hoàng Long.
- Từ năm 2001 đến năm 2003: Giám đốc CN công ty DV Du lịch Đường sắt Hà Nội.
- Từ năm 2003 đến năm 2006: Giám đốc công ty TNHH Gas Đồng Tiến.
- Từ năm 2006 đến năm 2009: Giám đốc công ty TNHH Gas An Thuận.
- Từ tháng 11/2010 đến nay: Tổng giám đốc CTCP Thương Mại & Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu.

Chức vụ đang nắm giữ: Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán Vimexco Gas: 14,08%, tương đương 1.351.900 cổ phiếu.

Ông Đặng Trần Hồng Quân

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 21/07/1983

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nguyên quán : Tiền Giang

Trình độ học vấn : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- Từ tháng 09/2005 đến T06/2010: nhân viên kế toán CTCP Hoá – Dược phẩm Mekophar.
- Từ tháng 06/2010 đến T11/2010: kế toán tổng hợp CTCP Thương mại & Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu.

- Từ tháng 11/2010 đến nay: Kế toán trưởng CTCP Thương mại & Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu.

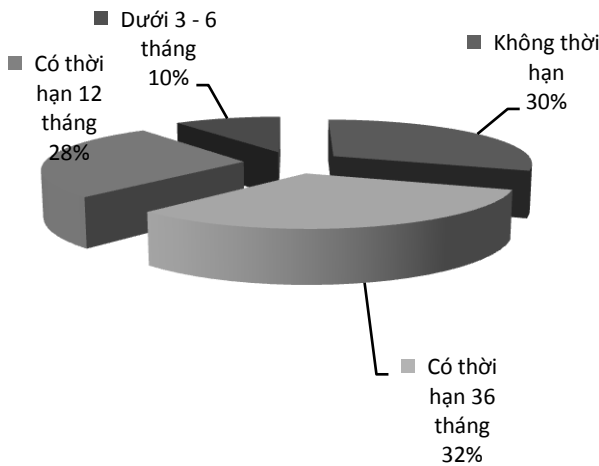
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán Vimexco Gas: 0%

- c. Những thay đổi trong Ban điều hành
Không có

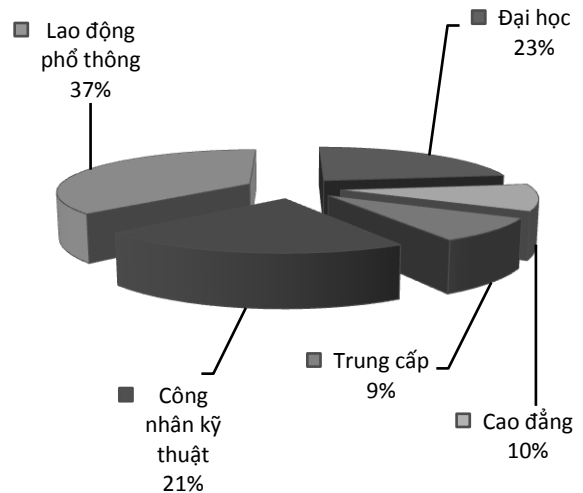
- d. Số lượng công nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên tính đến hết ngày 31/12/2014 là 79 người, trong đó có 16 nữ.

Cơ cấu nhân sự theo hợp đồng lao động



Cơ cấu nhân sự theo trình độ



- e. Chính sách đối với người lao động

- Chính sách tuyển dụng: tuyển dụng bằng việc đăng tin, quảng cáo, thông báo tuyển dụng lao động công khai trên báo chí hoặc trên hệ thống Internet và thông qua các trung tâm giới thiệu việc làm, mang tính chất công khai, chọn người thật sự có tài đức, có trình độ, có chuyên môn và nghiệp vụ, nhiệt tình với công việc...
- Chính sách đào tạo: đào tạo và dạy nghề ngay tại Công ty, trong thời gian đào tạo vẫn hưởng 100% lương như thoả thuận.
- Chính sách lương, thưởng: chế độ trả lương theo thang bậc lương hiện hành của Nhà nước, thưởng tháng lương 13, thưởng lễ, tết, phụ cấp chức vụ (nếu có).
- Chính sách trợ cấp: Người lao động được hưởng chế độ trợ cấp theo Luật Lao Động của Việt Nam (chế độ trợ cấp thôi việc, trợ cấp độc hại, trợ cấp thai sản...).

- f. Thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Nhằm khuyến khích, nâng cao năng suất lao động của từng lao động, từng bộ phận, Vimexco Gas áp dụng chính sách lương mới cho toàn công ty. Theo đó, mức lương hàng tháng của từng người lao động, kể cả các chức danh quản lý đều gắn liền với sản lượng bán ra trong tháng. Thu nhập bình quân năm 2014 của cán bộ công nhân viên công ty đạt 5,7 triệu đồng/người/tháng.
- Xây dựng quy định mới về công tác phí phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Trong quý 1 năm 2014, công ty đã đầu tư 2.000 vỏ bình 12kg mới, tổng trị giá 962.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, toàn bộ số vỏ này đã được sử dụng, đưa vào thị trường.
- Trong quý 3 năm 2014, công ty bắt đầu đầu tư hệ thống sơn sửa vỏ bình gas, tổng trị giá là 281.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, hệ thống đang trong giai đoạn chạy thử, dự kiến sẽ nghiệm thu trong năm 2015.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	128.730	94.727	-26,41
Doanh thu thuần	241.381	236.213	-2,14
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	-7.042	-20.308	-188,38
Lợi nhuận khác	4.262	3.085	-27,62
Lợi nhuận trước thuế	-2.781	-17.223	-519,31
Lợi nhuận sau thuế	-2.781	-17.223	-519,31
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014

b. Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,92	0,61
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,53	0,48
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	43,25	41,25
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	76,23	69,68
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn bán hàng/Hàng tồn kho bình quân	Lần	18,10	21,41
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	187,51	249,36
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-1,15	-7,29
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-3,81	-30,85
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-2,16	-18,18
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	-2,92	-8,60

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần: 9.600.000 cổ phần phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông: Danh sách cổ đông do VSD chốt ngày 26/07/2012

Cơ cấu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
<i>Trong nước</i>			
Tổ chức	14	1.080.670	11,26%
Cá nhân	2.177	8.460.030	88,12%
<i>Nước ngoài</i>			
Tổ chức	1	47.100	0,49%
Cá nhân	3	12.200	0,13%
<i>Tổng</i>	2.195	9.600.000	100,00%

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có.
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.
- e. Các chứng khoán khác: không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- a. Doanh thu thuần, lợi nhuận gộp giảm, trong khi sản lượng tiêu thụ tăng
 Kết thúc năm 2014, mặc dù sản lượng LPG tiêu thụ đạt 11.211 tấn (tăng 8,04% so với năm 2013), nhưng doanh thu thuần chỉ đạt 236 tỷ đồng, (giảm 2,14% so với năm 2013), lợi nhuận gộp đạt 17 tỷ đồng (giảm 16,94% so với năm 2013), nguyên nhân là do:
 - Giá LPG trong năm 2014 liên tục giảm, và giảm mạnh so với năm 2013.
 - Mảng kinh doanh chính của công ty – Gas Dân dụng – gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ các thương hiệu gas khác, đặc biệt là đang đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực này như Gia Đình Gas, Nam Gas, Sopet.... Hình thức cạnh tranh phổ biến được các thương hiệu này áp dụng là giảm giá bán. Bên cạnh đó, một số nhân viên nghỉ việc của công ty - chuyển qua làm cho thương hiệu khác, hoặc tự kinh doanh – đã tiếp cận, lôi kéo khách hàng của công ty. Do đó, công ty đã phải giảm giá bán, hoặc tăng các chương trình hỗ trợ nhằm giữ chân khách hàng.
- b. Chi phí tăng
 Tổng chi phí bán hàng và quản lý trong năm 2014 là 36,4 tỷ đồng, tăng 8,6 tỷ đồng so với năm 2013, trong đó:
 - Chi phí dự phòng phải thu nợ khó đòi: 1,7 tỷ đồng, tăng 5,8 tỷ so với năm 2013, chiếm 67,4% trong tổng mức tăng chi phí. Nguyên nhân: trích lập dự phòng theo quy định của pháp luật đối với các khoản nợ quá hạn, chưa thu hồi được trong những năm trước.
 - Chi phí vật liệu: 11,5 tỷ đồng, tăng 1,6 tỷ đồng so với năm 2013, chiếm 18% trong tổng mức tăng chi phí. Nguyên nhân: Trong năm, công ty đầu

tư 2.000 vỏ bình mới và hệ thống sơn sửa vỏ bình gas, dẫn đến chi phí vật liệu tăng cao so với năm 2013.

Hai nguyên nhân trên đã khiến khoản lỗ sau thuế trong năm 2014 tăng cao so với năm 2013.

c. Những tiến bộ công ty đạt được

- Đã tiếp cận và phát triển nhiều khách hàng mới, mở rộng thị trường phân phối, mở rộng hệ thống bán lẻ của công ty, kết quả là sản lượng LPG tiêu thụ trong năm tăng 834 tấn so với năm 2013.
- Từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống sơn sửa vỏ bình gas, tiết giảm chi phí sơn sửa vỏ bình thuê dịch vụ, đồng thời nâng cao tính chủ động trong việc bảo dưỡng vỏ bình gas mang thương hiệu Vimexco Gas.

2. *Tình hình tài chính*

a. *Tình hình tài sản*

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng, giảm
Tài sản ngắn hạn	38,7	17,1	-55,75%
Trong đó:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,4	1,3	-10,24%
Phải thu khách hàng	46,8	40,4	13,67%
Hàng tồn kho	16,6	3,9	-76,71%
Tài sản dài hạn	90,0	77,6	-13,80%
Trong đó			
Tài sản cố định	45,4	42,7	-5,93%
Tổng cộng tài sản	128,7	94,7	-26,41%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014

Tổng tài sản công ty trong tại thời điểm 31/12/2013 là 94,7 tỷ đồng, giảm 26,41% so với cùng kỳ năm 2013, tương đương 34 tỷ đồng.

b. *Tình hình các khoản phải thu*

ĐVT: tỷ đồng

Các khoản phải thu	31/12/2013		31/12/2014	
	Trong hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn
Phải thu khách hàng	10,6	36,2	3,8	36,6
Các khoản phải thu khác	0,2	3,5	0,4	3,4
Tổng cộng	10,8	39,7	4,2	40,0

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014

Số nợ quá hạn tại thời điểm 31/12/2014 là 40 tỷ đồng, trong đó:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Tình trạng	Số tiền	Tỷ lệ
1	Đã khởi kiện	21,9	55 %
2	Có chứng từ, đang liên hệ thu hồi nợ	1,7	4 %
3	Không đủ chứng từ	16,4	41 %

c. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng, giảm
Nợ ngắn hạn	41,9	27,9	- 33 %
_ Trong đó			
Vay và nợ ngắn hạn	5,5	3,3	- 41 %
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4,6	1,2	- 73 %
Phải trả người bán	29,4	21,6	- 26 %
Nợ dài hạn	13,8	10,9	-20 %
Tổng cộng nợ phải trả	55,7	38,9	-30 %

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014

- Các khoản vay vay và nợ ngắn hạn

ĐVT: đồng

	Tại 01/01/2014	Số tiền vay đã trả	Tại 31/12/2014
Ngân hàng TMCP Đông Á – SGD Tp. Hồ Chí Minh	5.474.994.500	4.498.000.000	976.994.500
Vay cá nhân	0	370.000.000	2.280.000.000
Tổng cộng	5.474.994.500	4.868.000.000	3.256.994.500

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - Sở giao dịch TP. Hồ Chí Minh để thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng cho Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành Viên - Công ty Kinh doanh sản phẩm Khí theo thư bảo lãnh số 0195-11/TBL-TDDN ngày 07 tháng 4 năm 2011 và Hợp đồng bảo lãnh số Z0195/11/HĐBL ngày 07 tháng 4 năm 2011; số tiền vay là 14.200.000.000 đồng; thời hạn vay là 15 ngày kể từ ngày 19 tháng 10 năm 2011 đến ngày 3 tháng 11 năm 2011; lãi suất vay là 34,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng 05 bồn chứa LPG dung tích 118 tấn và căn nhà, quyền sử dụng đất tại 110A Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận Bình Thạnh,

thành phố Hồ Chí Minh; giá trị của tài sản đảm bảo là 19.443.462.000 đồng. Hiện tại khoản vay này đã quá hạn thanh toán. Hiện công ty đã đạt được thỏa thuận với Ngân hàng TMCP Đông Á về việc giảm lãi suất cho vay từ 34,5%/năm xuống còn 15%/năm, ngày áp dụng lãi suất mới là 03/11/2011, cùng với điều kiện kèm theo: trả nợ gốc hàng tháng với số tiền 2,5 tỷ đồng, bắt đầu thanh toán từ tháng 04/2012. Hiện tại công ty đang thực hiện đúng theo lịch trình trả nợ cam kết với Ngân hàng TMCP Đông Á – SGD Tp.HCM.

Vay cá nhân chủ yếu là vay cán bộ công nhân viên công ty. Mục đích vay: bổ sung nguồn vốn lưu động, lãi suất vay từ 0,75%/tháng cho đến 1%/tháng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty duy trì cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh giảm, gọn nhẹ và đảm bảo hiệu quả quản lý, điều hành cấp công ty và tăng cường đội ngũ quản lý, điều hành chi nhánh trực tiếp sản xuất.
- Hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý cho Chi nhánh công ty tại Gò Dầu.
- Thay đổi chính sách chiết khấu bán hàng theo hướng linh hoạt hơn, phù hợp với nhu cầu của thị trường giai đoạn hiện nay.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu ưu tiên của công ty trong năm 2015 là ổn định tình hình Hội đồng quản trị, tiếp tục quản lý chặt, tiết giảm chi phí, bảo toàn vốn và chấm dứt tình trạng lỗ.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

- a. Người ký phê duyệt để phát hành báo cáo tài chính năm 2014 là Tổng Giám đốc – Nguyễn Quang Ninh:

Ông Nguyễn Quang Ninh đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty từ ngày 21/05/2010, là người đại diện theo pháp luật của công ty từ ngày 26/05/2010, đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc công ty từ ngày 05/11/2010.

Ngày 28/06/2011, Công ty tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2011, bầu Hội đồng quản trị mới thay thế Hội đồng quản trị cũ đã hết nhiệm kỳ. Bà Nguyễn Thị Tân Hoa đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011-2015, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của công ty từ ngày 01/08/2011.

Ngày 28/08/2012, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành bản án số 228/2012/KDTM-PT, tuyên hủy Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ của công ty để tiến hành lại theo đúng pháp luật. Như vậy, Hội đồng quản trị mới nhiệm kỳ 2011-2015 của công ty không được công nhận, công ty phải tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông, bầu ra Hội đồng quản trị mới.

Công ty đang liên hệ với các cơ quan chức năng để có thể tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Khoản 2, Điều 109 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

Do đó, Người ký phê duyệt để phát hành báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là ông Nguyễn Quang Ninh.

- b. Các khoản nợ chưa nhận được thư xác nhận:

Các khoản nợ phải thu chưa có thư xác nhận là những khoản nợ phải thu của khách hàng phát sinh từ năm 2010 trở về trước. Hiện tại, các khách hàng này đã ngưng giao dịch với công ty, không đồng ý xác nhận công nợ. Công ty không lưu trữ đầy đủ các chứng từ cần thiết để xác nhận, hoặc khởi kiện đến cơ quan chức năng đối với các khoản nợ này.

Do đó, công ty đã tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ nêu trên theo đúng quy định của pháp luật tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 .

c. Chưa dự phòng tổn thất trong việc xử lý các tài sản thiếu:

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2014, chi tiết tài sản thiếu chờ xử lý cụ thể như sau:

- Vỏ bình gas thiếu hụt qua kiểm kê:

Vỏ bình gas thiếu hụt do kiểm kê trong năm 2008, 2009, trị giá 242.976.391 đồng. Công ty đang liên hệ ông Nguyễn Phúc Nhân – nguyên Giám đốc Chi nhánh Bến Cát – để làm rõ trách nhiệm các nhân và yêu cầu bồi thường.

- LPG thiếu hụt qua kiểm kê:

Năm	Khối lượng LPG thiếu hụt (kg)	Trị giá (VND)	Khối lượng LPG nhập trong năm (kg)	Tỷ lệ hao hụt/khối lượng nhập (%)
2014	26.469	389.994.246	12.556.508	0,21%
2013	38.594	987.311.708	18.550.713	0,21%
2012	45.992	1.093.137.856	15.466.649	0,30%
2011	41.178	760.482.016	14.703.318	0,28%
2010	42.606	730.643.238	27.684.072	0,15%
Cộng	194.839	3.961.569.064	88.961.260	0,22%

Tỷ lệ LPG hao hụt hàng năm từ 0,15% đến 0,3%, thấp hơn so với mức hao hụt chung của toàn ngành là 0,5%.

Ngày khi bầu được Hội đồng quản trị, Công ty sẽ trình Hội đồng quản trị xử lý các tài sản thiếu nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

d. Phản ánh đầy đủ chi phí lãi vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đông Á:

Cho đến thời điểm hiện tại, công ty vẫn tuân thủ việc thanh toán khoản nợ gốc và lãi vay theo đúng Biên bản thỏa thuận với Ngân hàng TMCP Đông Á.

Trong năm 2015, công ty sẽ trao đổi với Ngân hàng TMCP Đông Á, đề nghị sự hỗ trợ từ phía ngân hàng về việc không tính phần lãi vay còn lại, để có thể thanh toán dứt điểm nợ gốc đối với khoản vay này.

e. Quyền sử dụng đất của Chi nhánh Bến Cát:

Ngày 04/11/2007, Công ty (là bên mua, đại diện theo pháp luật là ông Lê Quý Bình, chức vụ Tổng giám đốc) có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không sổ với ông Nguyễn Tiến Đạt (bên bán), diện tích đất chuyển nhượng là 4.345 m², với giá đất là 3.780.300.000 đồng (nay là Kho Bến Cát của công ty chúng tôi). Công ty đã thanh toán đầy đủ số tiền theo hợp đồng.

Tuy nhiên sau đó, ông Lê Quý Bình (nguyên Tổng giám đốc) lại làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất mang tên cá nhân, được UBND huyện Bến Cát tỉnh Bình Dương cấp và được đứng tên sở hữu trên 2 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H03750, H03751 cho cá nhân ông Bình đối với 4.345 m² mà Công ty chúng tôi đã ký hợp đồng và đã thanh toán tiền cho ông Nguyễn Tiến Đạt.

Đến cuối năm 2008, ông Lê Quý Bình thôi chức vụ Tổng Giám đốc. Trong quá trình bàn giao hồ sơ, Công ty chúng tôi phát hiện ra tình trạng gian dối đứng tên cá nhân ông Lê Quý Bình sở hữu quyền sử dụng đất của Giấy chứng nhận nêu trên.

Sau quá trình làm việc với Công ty về vấn đề trên, Ông Lê Quý Bình đã đồng ý ký hợp đồng ủy quyền ngày 05/09/2009 tại phòng Công chứng số 6 với Công ty chúng tôi. Nội dung ủy quyền được ký thể hiện các việc sau: CTCP Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu được thực hiện các quyền quản lý, sử dụng, cho thuê, thế chấp, bán chuyển nhượng, tặng, cho đối với 02 lô đất nêu trên; Thời hạn ủy quyền là 20 năm kể từ ngày ký ủy quyền.

Hiện công ty đang liên hệ với ông Lê Quý Bình để thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất về lại cho công ty.

IV. Quản trị công ty

1. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH An Thuận

Giám đốc Công ty TNHH An Thuận là vợ của Tổng Giám đốc của CTCP Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Số tiền (tỷ đồng)
Công ty TNHH An Thuận	
Bán khí hóa lỏng LPG	36,9
Mua khí hóa lỏng LPG	88,9
Phí chiết nạp gas	0,6
Bù trừ công nợ	24,5
Đã trả mua khí hóa lỏng LPG	73,8
Mượn gas Công ty An Thuận	13,7
Đã trả gas mượn Công ty An Thuận	13,7

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của kiểm toán:

Toàn văn ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2014 được niêm yết công khai tại website của công ty, địa chỉ www.vimexcogas.com.vn, mục quan hệ cổ đông.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán, được niêm yết công khai tại website của công ty, địa chỉ www.vimexcogas.com.vn, mục quan hệ cổ đông.

Vũng Tàu, ngày 29 tháng 04 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã ký

Nguyễn Quang Ninh

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Lưu P.KT;
- Niêm yết website công ty www.vimexcogas.com.vn

MỤC LỤC

I. Thông tin chung	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Quá trình hình thành và phát triển	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
5. Định hướng và phát triển	4
6. Các rủi ro	5
II. Tình hình hoạt động trong năm	6
1. Tình hình sản xuất hoạt động kinh doanh	6
a. Kết quả đạt được trong năm	6
2. Tổ chức nhân sự	8
a. Danh sách Ban điều hành	8
b. Tóm tắt lý lịch Ban điều hành	8
c. Những thay đổi trong Ban điều hành	9
d. Số lượng công nhân viên	9
e. Chính sách đối với người lao động	9
f. Thay đổi trong chính sách đối với người lao động	9
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	10
a. Các khoản đầu tư lớn:	10
b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có	10
4. Tình hình tài chính	10
a. Tình hình tài chính	10
b. Các chỉ tiêu tài chính	11
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	11
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	12
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	12
a. Doanh thu thuần, lợi nhuận gộp giảm, trong khi sản lượng tiêu thụ tăng	12
2. Tình hình tài chính	13
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	15
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	15
IV. Quản trị công ty	17
V. Báo cáo tài chính	17